

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1 , năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 71LAWS40413

Tên học phần: LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

Mã nhóm lớp học phần: 231_71LAWS40413_01,02,03,04

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu **IN GIẤY**: Có

Không

Cách thức nộp bài phần tự luận:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

ĐỀ THI SỐ 02

PHẦN TRẮC NGHIỆM (05 điểm)

Câu nào sau đây là sai:

- A. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự theo sự chỉ đạo cấp trên hoặc theo pháp luật.
- B. Kháng nghị là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của của Viện Kiểm sát nhân dân.
- C. Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng.
- D. Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết được xác định là việc dân sự.

ANSWER: A

Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Tòa án tại phiên toà là:

- A. Phổ biến nội quy phiên tòa.
- B. Thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- C. Kiểm tra căn cước của đương sự tại phiên toà.
- D. Tham gia Hội đồng xét xử vụ án dân sự.

ANSWER: A

Nguyên tắc mang tính đặc thù của Luật tố tụng dân sự:

- A. Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự
- B. Tòa án xét xử tập thể
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự
- D. Bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

ANSWER: A

Trường hợp nào sau đây không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí:

- A. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là người dưới 18 tuổi.
- B. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- C. Nguyên đơn nếu Tòa án tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.
D. Bị đơn nếu Tòa án tuyên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

ANSWER: A

Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự có thể:

- A. bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm
B. không bị kháng cáo nhưng có thể bị kháng nghị
C. không bị kháng nghị nhưng có thể bị kháng cáo
D. có hiệu lực pháp luật ngay khi ban hành

ANSWER: A

Trường hợp nào sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

- A. Người khuyết tật
B. Người tiêu dùng khởi kiện vụ án dân sự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
C. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật
D. Ban chấp hành công đoàn cơ sở yêu cầu Tòa án xét tính hợp pháp của cuộc đình công.

ANSWER: A

Người nào sau đây không thể là người làm chứng:

- A. Người mất năng lực hành vi dân sự.
B. Người bị bệnh hiểm nghèo.
C. Người tàn tật.
D. Người chưa thành niên.

ANSWER: A

Đây không phải là nguyên tắc cơ bản đặc trưng của Luật tố tụng dân sự:

- A. Nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.
B. Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự.
C. Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.
D. Tuân thủ pháp luật trong tố tụng dân sự.

ANSWER: A

Án phí, lệ phí Tòa án được nộp tại:

- A. Cơ quan thi hành án dân sự
B. Viện kiểm sát nhân dân
C. Kho bạc Nhà nước
D. Ngân hàng Nhà nước

ANSWER: A

Viện kiểm sát được thực hiện các quyền sau đây trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

- A. Yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị
B. Khiếu nại, tố cáo, kháng nghị
C. Yêu cầu, tố cáo, kháng nghị
D. Khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (05 điểm)

- A. Nhận định sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao? Nêu cơ sở pháp lý (02 điểm)

Câu 1 (01 điểm): Khi xét thấy cần thiết, Tòa án có thể tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp “Cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình”.

Đáp án Câu 1:

- **Nhận định trên sai (0,25 điểm)**
- **Căn cứ Khoản 3 Điều 111 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Tòa án chỉ tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp quy định tại Điều 135 của Bộ luật này. (0,25 điểm)**
- **Nêu ra nội dung Điều 135 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và nội dung Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 114 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (0,5 điểm)**

Câu 2 (01 điểm): Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Đáp án Câu 2:

- **Nhận định trên sai (0,25 điểm)**
- **Căn cứ Khoản 1 Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. (0,25 điểm)**
- **Căn cứ Khoản 2 Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội. (0,5 điểm)**

B. Bài tập tình huống: (03 điểm):

Câu 3

Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T thụ lý vụ án anh A yêu cầu ly hôn chị B; chị B yêu cầu được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu C, anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000đ. Chị B khai rằng có nợ Ngân hàng ACB số tiền là 500.000.000 đồng, bà M là người biết việc vay mượn nợ nhưng anh A phủ nhận cho rằng nợ trên do chị B tự vay mượn.

Hỏi:

CÂU A (02 điểm)

Hãy xác định tư cách các đương sự trong vụ án trên? Giải thích vì sao? Nêu cơ sở pháp lý?

CÂU B (01 điểm)

Toà *ôn nhờn dãn* huyện H, tỉnh T tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A và số nợ 500.000.000 đồng trên chị B phải trả cho Ngân hàng ACB. Chị B kháng cáo toàn bộ bản án. Tuy nhiên trước khi mở phiên toà phúc thẩm anh A rút đơn khởi kiện.

Anh/chị hãy cho biết Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết như thế nào? Nêu cơ sở pháp lý?

Đáp án**CÂU A:**

- Nguyên đơn: anh A (0,25 điểm)
- Vì: anh A là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự. (0,25 điểm)
- Căn cứ Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 (0,25 điểm)
- Bị đơn: chị C (0,25 điểm)
- Vì: chị C là người bị nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự. (0,25 điểm)
- Khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 (0,25 điểm)
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà M; Ngân hàng ACB (0,25 điểm)
- Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (0,25 điểm).

CÂU B:

- Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 :
- Bị đơn Chị B không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn anh A (0,5 điểm)
- Bị đơn chị B đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của anh A. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. (0,5 điểm)

Ngày biên soạn: 30/11/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Đinh Thu Thủy

Ngày kiểm duyệt: 10/12/2023

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS Đinh Lê Oanh